

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục gồm 09 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết đối với 04 thủ tục hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 09/TTr-STP ngày 07 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Công bố Danh mục gồm 09 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp theo Quyết định số 71/QĐ-BTP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp (Phụ lục I kèm theo).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết đối với 04 thủ tục hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp (Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ: Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc công bố Danh mục gồm 05 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết đối với 01 thủ tục hành chính lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp; Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc công bố Danh mục gồm 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai công bố Danh mục gồm 03 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện công khai thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; chỉ đạo, theo dõi và kiểm tra việc tổ chức thực hiện công khai thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thực hiện niêm yết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, trên Trang thông tin điện tử theo quy định.

3. Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Con nuôi - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng CNTT);
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Công an tỉnh;
- UBND cấp xã (UBND cấp huyện sao gửi);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện/ Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	<p>Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng</p> <p style="text-align: center;">1.003976. 000.00.00.H21</p>	<p>- Thời gian <i>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến gửi Sở Tư pháp</i> kèm theo hồ sơ trẻ em để thông báo tìm người nhận con nuôi: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>- Thời gian <i>Sở Tư pháp</i> kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p><i>Trường hợp cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú ở địa phương khác, thời gian Sở Tư pháp nơi cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú lấy ý kiến về việc cho trẻ làm con nuôi ở nước ngoài: 05 ngày, kể từ</i></p>	<p>Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi: Cơ sở nuôi dưỡng lập, chuyển <i>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</i> đối với cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý cấp huyện cho ý kiến, <i>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến (kèm theo hồ sơ trẻ em)</i> gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công (quầy <i>Sở Tư pháp</i>). Địa chỉ 69 Hùng Vương, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai</p>	<p>Hình thức nộp lệ phí: chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình.</p> <p>Trường hợp người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi thông qua Văn phòng con nuôi nước ngoài thì nộp lệ phí, chi phí thông qua Văn phòng con nuôi nước ngoài.</p> <p>- Mức thu lệ phí và chi phí:</p>	<p>- Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- <i>Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi;</i></p>

	<p><i>ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp nơi giải quyết việc nuôi con nuôi.</i></p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến.</p> <p>- Thời gian cơ quan Công an cấp tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi: 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.</p> <p>Trường hợp Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được, thời gian Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan: 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh (đối với Sở Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi</p>	<p>- Hồ sơ của người nhận con nuôi:</p> <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi thường trú tại nước là thành viên của điều ước quốc tế về nuôi con nuôi với Việt Nam: <i>tổ chức con nuôi nộp hồ sơ của người nhận con nuôi cho Bộ Tư pháp thông qua hình thức nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính. Trường hợp nước đó không có tổ chức con nuôi được cấp phép hoạt động tại Việt Nam, thì người nhận con nuôi nộp hồ sơ cho Bộ Tư pháp thông qua Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của nước nơi người nhận con nuôi thường trú, hoặc cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự của nước đó tại Việt Nam.</i></p> <p>+ Đối với trường hợp người nhận con nuôi là người nước ngoài đang làm việc, học tập liên tục tại Việt Nam trong thời</p>	<p>+ Lệ phí : 9.000.000 (<i>chín triệu</i>) đồng/trường hợp</p> <p>Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài.</p> <p>+ Chi phí: 50.000.000 (<i>năm mươi triệu</i>) đồng/trường hợp</p> <p>Trường hợp nhận trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo thì được miễn chi phí.</p> <p>- Thời điểm nộp lệ phí và chi phí:</p> <p>+ Đối với lệ phí: Người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đang làm</p>	<p>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</p> <p>- Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</p> <p>- Thông tư liên tịch số 146/2012/ TTLT-BTC-BTP ngày 7 tháng 9 năm 2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép của tổ chức con nuôi</p>
--	---	---	--	--

		<p><i>có thông tin cư trú của cha mẹ đẻ trẻ em).</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian <i>Bộ Tư pháp</i> kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí. - Thời gian <i>Sở Tư pháp</i> giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi. - Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do <i>Sở Tư pháp</i> trình. - Thời gian <i>Sở Tư pháp</i> thực hiện giới thiệu trẻ em làm con nuôi lại trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không đồng ý với việc giới thiệu trước (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 90 ngày, kể từ 	<p><i>gian ít nhất là 01 năm nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: người nhận con nuôi nộp hồ sơ cho Bộ Tư pháp thông qua hình thức nộp trực tiếp, gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người đang cư trú tại Việt Nam.</i></p>	<p>việc, học tập tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm nộp sau khi <i>Bộ Tư pháp</i> tiếp nhận và cấp mã số hồ sơ của người nhận con nuôi.</p> <p>+ Đối với chi phí: Người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đang làm việc, học tập tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm nộp sau khi người nhận con nuôi đồng ý với kết quả giới thiệu trẻ em.</p>	<p>nước ngoài, chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm
--	--	--	---	---	---

	<p>ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản không đồng ý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian Sở Tư pháp chuyển cho <i>Bộ Tư pháp</i> 01 bộ hồ sơ của trẻ em kèm theo văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 05 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng ý. - Thời gian <i>Bộ Tư pháp</i> kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi của Sở Tư pháp. - Thời gian <i>Bộ Tư pháp</i> thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và 			<p>2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</p>
--	---	--	--	--

		<p>thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.</p>			
2	<p>Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi</p> <p>1.004878. 000.00.00.H21</p>	<p><i>- Thời gian Bộ Tư pháp kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</i></p> <p>- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan, xác nhận người được nhận làm con nuôi đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20</p>	<p><i>Người nhận con nuôi lựa chọn nộp hồ sơ cho Bộ Tư pháp thông qua hình thức nộp trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính.</i></p> <p><i>Trường hợp ủy quyền cho người đang cư trú tại Việt Nam nộp hồ sơ thì phải có văn bản ủy quyền.</i></p>	<p>- Hình thức nộp lệ phí: chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình.</p> <p>- Mức thu lệ phí: 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng/trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi.</p>	<p>- Luật Nuôi con nuôi 2010;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính</p>

		<p>ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - Thời gian Bộ Tư pháp kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài và thông báo cho người nhận con nuôi, Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 30 ngày, kể từ ngày nhận được các giấy tờ Sở Tư pháp gửi. - Thời gian Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp về kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Trung ương về nuôi con nuôi của nước nơi người nhận con nuôi thường trú, người nhận con nuôi. - Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày 		<ul style="list-style-type: none"> - Mức thu chi phí: Không quy định. - Thời điểm nộp lệ phí: Nộp sau khi Bộ Tư pháp tiếp nhận và cấp mã số hồ sơ của người nhận con nuôi. 	<p>phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi,
--	--	--	--	--	---

		<p>nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.</p>			<p>bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</p>
--	--	--	--	--	--

3	<p>Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài 1.003179. 000.00.00.H21</p>	<p>05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>- <i>Nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (quầy Sở Tư pháp).</i> <i>Địa chỉ: 69 Hùng Vương, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.</i> <i>- Hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh (https://dichvucong.gialai.gov.vn).</i></p>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - <i>Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi;</i> - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ
---	--	---	--	--------------	---

					<p>tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</p>
--	--	--	--	--	--

4	<p>Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi</p> <p>1.003160. 000.00.00.H21</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. 	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (quầy Sở Tư pháp).</p> <p>Địa chỉ: 69 Hùng Vương, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai).</p>	<p>4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng/trường hợp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí
---	--	---	---	--	---

					<p>đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</p> <ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.
--	--	--	--	--	---

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện/ Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	<p>Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài</p> <p>2.002363. 000.00.00.H21</p>	<p>- Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>- Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.</p>	<p>Người có yêu cầu ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính.</p> <p>- Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh (https://dichvucong.gia lai.gov.vn)</p>	<p>- Lệ phí nộp hồ sơ trực tiếp: 75.000 đồng.</p> <p>- Lệ phí nộp hồ sơ trực tuyến: bằng 70% mức thu lệ phí nộp hồ sơ trực tiếp (Trường hợp mức thu lệ phí lẻ dưới 500 đồng thì tính tròn xuống không đồng. Trường hợp mức thu lệ phí lẻ từ 500 đồng đến dưới 1.000 đồng thì tính tròn lên 1.000 đồng).</p> <p>- Miễn lệ phí: hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, người thuộc gia đình có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn; bố, mẹ, vợ (chồng), con dưới 18 tuổi của liệt sỹ, thương binh, người được hưởng</p>	<p>- Luật Hộ tịch 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện/ Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				<p>chính sách như thương binh; công dân thường trú tại các xã biên giới; công dân thuộc diện di dời, giải tỏa theo chủ trương của nhà nước.</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>	<p>điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện/ Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p> cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội </p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện/ Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi. - Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai. - Nghị quyết số 65/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
2	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên	Không quy định	<i>Người nhận con nuôi lựa chọn nộp hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua hình thức:</i>	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện/ Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi 2.002349.000.00.00.H21		<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh (https://dichvucong.gia lai.gov.vn) 		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện/ Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	<p>Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước</p> <p>2.001263. 000.00.00.H21</p>	<p>- Thời gian xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi:</p> <p>Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và nơi ở hiện tại khác nhau, trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của người nhận con nuôi, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú trực tiếp xác minh trong 05 ngày làm việc hoặc có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ở hiện tại của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi. Trong thời</p>	<p>Người nhận con nuôi lựa chọn nộp hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết thông qua hình thức:</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính.</p> <p>- Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh (https://dichvucong.gialai.gov.vn)</p>	<p>- Mức thu lệ phí: 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng/trường hợp.</p> <p>- Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha đẻ hoặc mẹ đẻ nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật Nuôi con nuôi</p>	<p>- Luật Nuôi con nuôi 2010;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện/ Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p><i>hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ở hiện tại của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá theo nội dung Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi và có văn bản thông báo kết quả đánh giá cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến; 		<p>và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.</p>	<p>việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện/ Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>- Thời gian tổ chức đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao nhận con nuôi, ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước cho bên giao và bên nhận: 05 ngày, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý.</p>			
2	<p>Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước 2.001255. 000.00.00.H21</p>	<p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh (https://dichvucong.gialai.gov.vn)</p>	<p>Không</p>	<p>- Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện/ Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện/ Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.
3	<p>Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi</p> <p>1.003005. 000.00.00.H21</p>	<p>Trong thời hạn 30 ngày, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp xã kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến những người liên quan: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến; - Sở Tư pháp có ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã; - Đăng ký việc nuôi con nuôi và giao nhận con nuôi: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp. 	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết của UBND cấp xã nơi trẻ em thường trú</p>	<p>4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng/trường hợp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 2 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện/ Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</p>

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung

PHỤ LỤC II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Các bước	Trình tự thực hiện	Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ	Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Trình các cấp có thẩm quyền cao hơn (nếu có)	Mô tả quy trình
1. Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng							
1	Bước 1	Lập hồ sơ trẻ em được nhận làm con nuôi và có ý kiến gửi hồ sơ đến Sở Tư pháp để thông báo tìm người nhận con nuôi	Cơ sở nuôi dưỡng; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân cấp huyện	05 ngày làm việc		UBND tỉnh; Bộ Tư pháp	(1) Cơ sở nuôi dưỡng đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi, lập hồ sơ trẻ em, xin ý kiến của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý cấp huyện. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Tư pháp (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công) kèm theo hồ sơ trẻ em để thông báo tìm người nhận con nuôi.
2	Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	0,5 giờ			(1) Nhân viên tại quầy Sở Tư pháp xem xét tính đầy đủ của hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Hướng dẫn, yêu cầu tổ chức, các

						<p>nhân (TCCN) chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ thì phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ:</p> <p>+ Số hóa hồ sơ, nhập hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hện trả kết quả (02 phiếu trong đó 01 phiếu lưu, 01 phiếu trả cho TCCN).</p> <p>+ Chuyển đến Phòng Nghiệp vụ 3 (NV3). Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hồ sơ chuyển vào ngày hôm sau.</p>
3	Bước 3	Kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan	Chuyên viên Phòng NV3	19 ngày 7,5 giờ		(3) Công chức Phòng NV3 nghiên cứu hồ sơ và trực tiếp lấy ý kiến của những người có liên quan. Sau khi được sự đồng ý của Lãnh đạo Phòng NV3 và Lãnh đạo Sở Tư pháp.
4	Bước 4	Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi	Chuyên viên Phòng NV3	30 ngày		(4) Công chức Phòng NV3 thực hiện giải thích cho những người liên quan về quyền thay đổi ý kiến đồng ý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến đồng ý.

5	Bước 5	Xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi	Chuyên viên Phòng NV3	30 ngày	Công an tỉnh	(5) Công an tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi. Kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.
6	Bước 6	Thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan (Đối với trường hợp xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được)	Sở Tư pháp	60 ngày	UBND cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha mẹ đẻ trẻ em	(6) Sở Tư pháp ban hành Thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi và thực hiện niêm yết tại trụ sở của Sở Tư pháp. Đồng thời, có văn bản đề nghị UBND cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha mẹ đẻ trẻ em niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã về việc cho trẻ em làm con nuôi.
7	Bước 7	Kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Bộ Tư pháp	15 ngày		(7) Bộ Tư pháp kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.
8	Bước 8	Giới thiệu trẻ em làm con nuôi	Sở Tư pháp	30 ngày		(8) Kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em và báo cáo UBND tỉnh cho ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi.

9	Bước 9	Ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu)	UBND tỉnh	10 ngày		(9) UBND tỉnh có ý kiến bằng văn bản đối với việc chấp thuận hoặc không chấp thuận đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi của Sở Tư pháp.
10	Bước 10	Thực hiện giới thiệu trẻ em làm con nuôi lại (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu)	Sở Tư pháp	90 ngày		(10) Sở Tư pháp thực hiện giới thiệu trẻ em làm con nuôi lại trong trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh không đồng ý với việc giới thiệu trước (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu).
11	Bước 11	Chuyển hồ sơ của trẻ và văn bản đồng ý của UBND tỉnh cho Bộ Tư pháp (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu)	Sở Tư pháp	05 ngày làm việc		(11) Sở Tư pháp chuyển cho Bộ Tư pháp 01 bộ hồ sơ của trẻ em kèm theo văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh
12	Bước 12	Kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi	Bộ Tư pháp	30 ngày		(12) Bộ Tư pháp kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi của Sở Tư pháp.

13	Bước 13	Thông báo cho Sở Tư pháp văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú	Bộ Tư pháp	15 ngày			(13) Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.
14	Bước 14	Quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài	UBND tỉnh	15 ngày			(14) Kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình, UBND tỉnh quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.
15	Bước 15	Đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao nhận con nuôi	Lãnh đạo Sở Tư pháp	90 ngày			(15) Ngay sau khi có quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài của UBND tỉnh, Sở Tư pháp thông báo cho người nhận con nuôi đến Việt Nam để nhận con nuôi. Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch và tổ chức lễ giao nhận con nuôi tại trụ sở Sở Tư pháp.
Tổng cộng				449 ngày			

2. Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi

1	Bước 1	Kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp	15 ngày		UBND tỉnh; Bộ Tư pháp	(1) Bộ Tư pháp kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi. Trường hợp không chấp thuận hồ sơ, trả lại hồ sơ cho người nhận con nuôi, nêu rõ lý do bằng văn bản.
2	Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ	Văn thư Sở Tư pháp	01 ngày			(2) Kể từ ngày nhận được hồ sơ do Bộ Tư pháp chuyển đến văn thư chuyển văn bản và hồ sơ đến Lãnh đạo Sở. Lãnh đạo Sở chuyển đến Phòng NV3 để kiểm tra và giải quyết theo quy định.
3	Bước 3	Kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan, xác nhận người được nhận làm con nuôi đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài	Chuyên viên Phòng NV3	19 ngày			(3) Công chức Phòng NV3 nghiên cứu hồ sơ và trực tiếp lấy ý kiến của những người có liên quan. Sau khi được sự đồng ý của Lãnh đạo Phòng NV3 và Lãnh đạo Sở Tư pháp.
4	Bước 4	Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài	Chuyên viên Phòng NV3	30 ngày			(4) Công chức Phòng NV3 thực hiện giải thích cho những người liên quan về quyền thay đổi ý kiến đồng ý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến đồng ý.

5	Bước 5	Kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài	Bộ Tư pháp	30 ngày			(5) Bộ Tư pháp kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài và thông báo cho người nhận con nuôi, Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của nước nơi người nhận con nuôi thường trú kể từ ngày nhận được các giấy tờ Sở Tư pháp gửi.
6	Bước 6	Thông báo cho Sở Tư pháp về kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài	Bộ Tư pháp	15 ngày			(6) Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp về kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài kể từ ngày nhận được văn bản của Trung ương về nuôi con nuôi của nước nơi người nhận con nuôi thường trú, người nhận con nuôi.
7	Bước 7	Quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài	UBND tỉnh	15 ngày			(7) Kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình, UBND tỉnh quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.
8	Bước 8	Đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao nhận con nuôi	Lãnh đạo Sở Tư pháp	90 ngày			(8) Ngay sau khi có quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài của UBND tỉnh, Sở Tư pháp thông báo cho người nhận con nuôi đến Việt Nam để nhận con nuôi. Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch và tổ chức lễ giao nhận con nuôi tại trụ sở Sở Tư pháp.
Tổng cộng				215 ngày			

3. Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài						
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	0,5 giờ	UBND tỉnh	<p>(1) Người có yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (Quầy Sở Tư pháp).</p> <p>Nhân viên tại quầy Sở Tư pháp xem xét tính đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Hướng dẫn, yêu cầu tổ chức, các nhân (TCCN) chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ thì phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: <ul style="list-style-type: none"> + Số hóa hồ sơ, nhập hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hện trả kết quả (02 phiếu trong đó 01 phiếu lưu, 01 phiếu trả cho TCCN). + Chuyển đến Phòng Nghiệp vụ 3 (NV3). Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hồ sơ chuyển vào ngày hôm sau.

2	Bước 2	Kiểm tra hồ sơ và tham mưu hồ sơ trình UBND tỉnh	Chuyên viên Phòng NV3	1,5 ngày làm việc		(2) Công chức Phòng NV3 nghiên cứu hồ sơ và tham mưu hồ sơ trình UBND tỉnh trình Lãnh đạo Phòng
3	Bước 3	Xem xét hồ sơ và văn bản trình UBND tỉnh trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng NV3	01 ngày làm việc		(3) Lãnh đạo Phòng NV3 xem xét hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở ban hành văn bản trình UBND tỉnh hồ sơ quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.
4	Bước 4	Xem xét và ký văn bản trình UBND tỉnh hồ sơ quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.	Lãnh đạo Sở	07 giờ		(4) Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ và ký ban hành văn bản trình UBND tỉnh hồ sơ quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.
5	Bước 5	Xem xét và Quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài	UBND tỉnh	02 ngày làm việc		(5) Kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình, UBND tỉnh quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.
6	Bước 6	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công	0,5 giờ		(6) Ngay sau khi có quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài của UBND tỉnh công chức Phòng NV3 trả kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp
Tổng cộng				05 ngày làm việc		

4. Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi

1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	0,5 giờ		<p>(1) Người nước ngoài thường trú tại Việt Nam nhận con nuôi nộp hồ sơ của mình và của người được giới thiệu làm con nuôi trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (Quầy Sở Tư pháp).</p> <p>Nhân viên tại quầy Sở Tư pháp xem xét tính đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Hướng dẫn, yêu cầu tổ chức, cá nhân (TCCN) chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ thì phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: <ul style="list-style-type: none"> + Số hóa hồ sơ, nhập hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (02 phiếu trong đó 01 phiếu lưu, 01 phiếu trả cho TCCN). + Chuyển đến Phòng Nghiệp vụ 3 (NV3). Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hồ sơ chuyển vào ngày hôm sau.
---	--------	-----------------	-----------------------------------	---------	--	--

2	Bước 2	Kiểm tra hồ sơ và tham mưu hồ sơ trình UBND tỉnh	Chuyên viên Phòng NV3	19 ngày 7,5 giờ		(2) Công chức Phòng NV3 nghiên cứu hồ sơ và tham mưu hồ sơ trình UBND tỉnh trình Lãnh đạo Phòng
3	Bước 3	Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài	Chuyên viên Phòng NV3	15 ngày		(3) Công chức Phòng NV3 thực hiện giải thích cho những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến đồng ý.
4	Bước 4	Xem xét và Quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài	UBND tỉnh	15 ngày		(4) Kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình, UBND tỉnh quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.
5	Bước 5	Đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao nhận con nuôi	Lãnh đạo Sở Tư pháp	Không quy định		(5) Ngay sau khi có quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài của UBND tỉnh, Sở Tư pháp thông báo cho người nhận con nuôi đến Việt Nam để nhận con nuôi. Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch và tổ chức lễ giao nhận con nuôi tại trụ sở Sở Tư pháp.
Tổng cộng				50 ngày		